

Bài 14 LUYỆN TẬP CHUNG (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

Kiến thức, kỹ năng

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.
- Thực hiện được việc tính trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ.
- Giải được bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng, phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.

Phát triển năng lực

- Qua thực hành, luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận, năng lực giao tiếp toán học.

- Qua giải bài toán thực tiễn sẽ phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
- Qua thực hiện trò chơi sẽ phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác.

II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 2.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

Tiết 1. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Thực hiện được phép cộng, phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20; tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ; giải và trình bày được bài giải của bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20.

Bài 1: Củng cố các phép cộng, phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.

- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.
- Sau khi HS làm bài, GV có thể cho HS kiểm tra, chữa bài cho nhau.
- Khi chữa bài, GV lưu ý HS về “tính chất giao hoán” của phép cộng, chẳng hạn từ $7 + 8 = 15$ có ngay $8 + 7 = 15$.

Bài 2: Củng cố các phép cộng, phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài và hiểu được: Chuồng của mỗi con chim ghi số là kết quả của phép tính ghi trên chim đó.
- GV cho HS nêu cách làm bài: Tính kết quả của các phép tính ghi trên các con chim, rồi tìm chuồng cho mỗi con chim.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.
- Chẳng hạn: $8 + 5 = 13$; $6 + 9 = 15$; $17 - 8 = 9$; $7 + 8 = 15$; $14 - 5 = 9$; $6 + 7 = 13$.

Vậy:

- + Chuồng của các con chim ghi $8 + 5$ và $6 + 7$ là chuồng ghi số 13;
- + Chuồng của các con chim ghi $6 + 9$ và $7 + 8$ là chuồng ghi số 15;
- + Chuồng của các con chim ghi $17 - 8$ và $14 - 5$ là chuồng ghi số 9.

Bài 3: Củng cố cách giải và trình bày bài giải của bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài (cho biết gì, hỏi gì?).

- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Bài giải

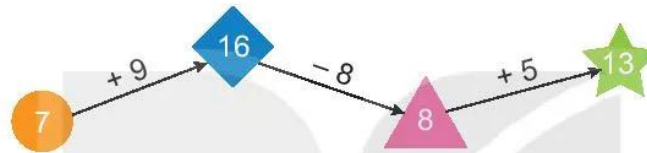
Số quyển sách và vở trên giá là:

$$9 + 8 = 17 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 17 quyển sách và vở.

Bài 4: Củng cố phép cộng, phép trừ đã học.

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài: Tìm số thích hợp với dấu “?” trong ô.
- GV hướng dẫn HS cách làm: Thực hiện lần lượt từng phép tính từ trái sang phải.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài. GV có thể cho HS ghi bài vào vở rồi làm bài.
- Kết quả:



Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Thực hiện được phép cộng, phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20; biết dựa vào phép cộng để suy ra kết quả phép trừ tương ứng; biết tìm số thích hợp với dấu “?” trong phép cộng, phép trừ; giải và trình bày được bài giải của bài toán có lời văn liên quan đến phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.

Bài 1: Củng cố phép cộng, phép trừ; mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

- GV cho HS làm bài theo từng cột. Khi làm bài HS chỉ cần tính phép cộng, sau đó sử dụng mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ để có ngay kết quả của các phép trừ.
- Sau khi HS làm bài, GV có thể cho HS kiểm tra, chữa bài cho nhau.

Bài 2: Củng cố, rèn kỹ năng thực hiện tính (tính giá trị của biểu thức số) có hai dấu phép tính cộng, trừ.

- GV hướng dẫn HS cách làm: Tính lần lượt từ trái sang phải.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.
- Kết quả:

a) $9 + 7 - 8 = 8;$

b) $6 + 5 + 4 = 15.$

Bài 3: Củng cố cách giải và trình bày bài giải của bài toán có lời văn liên quan đến phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài (cho biết gì, hỏi gì?).
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Bài giải

Số bức tranh Mai vẽ được là:

$$11 - 3 = 8 \text{ (bức tranh)}$$

Đáp số: 8 bức tranh.

Bài 4: Củng cố các phép cộng, phép trừ đã học, “tính chất giao hoán” của phép cộng và so sánh các số.

- GV hướng dẫn HS nêu cách làm bài: Tìm kết quả của các phép cộng, phép trừ, so sánh các kết quả đó theo yêu cầu, rồi chọn Đ, S thích hợp với dấu “?” trong ô.
- Kết quả: a) S; b) Đ; c) Đ; d) S. (Ở câu b, HS có thể dựa vào “tính chất giao hoán” kết luận luôn là Đ mà không cần phải tính.)

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 3. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Thực hiện được phép cộng, phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20; tính trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ; qua trò chơi, HS được củng cố, rèn kĩ năng thực hiện phép cộng, phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.

1. Luyện tập

Bài 1: Củng cố các phép cộng, phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài và hiểu được: Thức ăn của mỗi con vật ở ô ghi số là kết quả của phép tính ghi trong ô có con vật đó.
- GV cho HS nêu cách làm bài: Tính kết quả của các phép tính ghi trong mỗi ô rồi tìm ô ghi số là kết quả đó để tìm thức ăn cho mỗi con vật.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.
- Kết quả: $14 - 6 = 8$; $5 + 6 = 11$; $17 - 8 = 9$; $7 + 7 = 14$; $16 - 9 = 7$. Vậy: Thức ăn của mèo là cá; thức ăn của khỉ là quả chuối; thức ăn của chó là khúc xương; thức ăn của voi là cây mía; thức ăn của tằm là lá dâu.
- Lưu ý: Qua bài tập này, giúp HS có thêm hiểu biết về thức ăn của các con vật. Đây là hiểu biết cần thiết trong cuộc sống của các em.

Bài 2: Củng cố các phép cộng, phép trừ (qua 10); số lớn nhất, số bé nhất.

– GV cho HS nêu cách làm: Tính kết quả của các phép tính, rồi chọn số lớn nhất, số bé nhất trong các kết quả đó.

– GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

– Kết quả:

+ Câu a: $15 - 9 = 6$; $13 - 8 = 5$; $12 - 5 = 7$. Vậy phép tính $13 - 8$ có kết quả bé nhất. Chọn B.

+ Câu b: $7 + 8 = 15$; $9 + 5 = 14$; $8 + 9 = 17$. Vậy phép tính $8 + 9$ có kết quả lớn nhất. Chọn C.

– Lưu ý: Khi làm bài vào vở, HS chỉ cần viết như sau: a) Chọn B, b) Chọn C.

Bài 3: Củng cố, rèn kỹ năng thực hiện tính (tính giá trị của biểu thức số) có hai dấu phép tính cộng, trừ.

– GV hướng dẫn HS cách làm: Tính lần lượt từ trái sang phải.

– GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

– Kết quả:

a) $15 - 3 - 6 = 6$;

b) $16 - 8 + 5 = 13$.

2. Trò chơi “Cầu thang – cầu trượt”

Các bước tổ chức thực hiện:

– GV nêu mục đích của trò chơi: Củng cố, rèn kỹ năng thực hiện phép cộng, phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.

– GV giải thích kỹ luật chơi, gọi một vài HS chơi thử để cả lớp cùng xem.

Chẳng hạn: Người chơi đầu tiên gieo xúc xắc, nhận được mặt trên xúc xắc có 4 chấm thì từ ô xuất phát di chuyển 4 ô, đến ô có phép tính $14 - 8$; người chơi phải nêu kết quả phép tính là 6, tạm dừng lại tại ô này (nếu nêu sai thì phải trở lại ô xuất phát trước đó) và đến lượt người khác tiếp tục chơi như vậy. Trong quá trình chơi, nếu người chơi đến ô có chân cầu thang, chẳng hạn ô ghi $18 - 9$ thì người chơi lên thẳng ô ở đầu cầu thang ghi $15 - 8$, nêu kết quả và tạm dừng lại tại ô này. Còn nếu người chơi đến ô có đầu trên của cầu trượt thì bị trượt xuống ô ở chân cầu trượt và tạm dừng lại tại ô này.

– Tổ chức chơi theo nhóm. Khi một bạn chơi, các bạn còn lại trong nhóm giám sát, động viên bạn. Cần tổ chức để tất cả các bạn trong nhóm đều lần lượt chơi.

– Sau khi kết thúc trò chơi, GV tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).